

Số: 372/2025/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 08 tháng 09 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 282/2025/TLST-VHNGĐ ngày 29 tháng 08 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Lê Nguyễn Lan T**, sinh năm 1979;
Số CCCD: 075179016012 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/8/2021.

Địa chỉ thường trú: 202/16/51, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên lạc: đường số F, tổ G, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp B, xã B, phường L, tỉnh Đồng Nai).

Điện thoại: 0386.442.238

2. Ông **Phạm Đình T1**, sinh năm 1975;
Số CCCD: 075075011623 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/8/2021.

Địa chỉ thường trú: 202/16/51, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Điện thoại: 0819.718.879

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Lan T và ông Phạm Đình T1 tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức đám cưới và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là: UBND phường T, tỉnh Đồng Nai); cả hai được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển sổ số 0I/2002 ngày 08/11/2002.

Về mặt tình cảm, thời gian đầu cả hai chung sống với nhau hạnh phúc và có 02 con chung. Nhưng sau đó, hai vợ chồng đã luôn xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vì bất đồng trong quan điểm sống, cảm thấy không còn hợp nhau về tính tình; không tìm được tiếng nói chung nên từ đó không còn tôn trọng, thương yêu nhau. Để hạnh phúc gia đình không tan vỡ, con cái có đầy đủ cả cha và mẹ nên cả hai đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, tìm cách hòa giải hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành càng khiến cho mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày một trầm trọng. Mâu thuẫn giữa chúng tôi cũng chưa qua địa phương hòa giải. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài thêm. Do đó, cả hai vợ chồng thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai giải quyết cho được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Phạm Đình T1 và bà Lê Nguyễn Lan T xác định trong thời kỳ hôn nhân có hai người con chung là cháu Phạm Lê Đăng K, sinh ngày 24/11/2003 và cháu Phạm Lê Thiên P, sinh ngày 16/12/2007. Sau khi ly hôn, hai vợ chồng thống nhất giao cháu Phạm Lê Thiên P cho bà Lê Nguyễn Lan T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với vấn đề cấp dưỡng, ông Phạm Đình T1 tạm thời không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Đối với cháu Phạm Lê Đăng K đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Nợ chung: Cả hai vợ chồng xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí VHNGĐ: Ông Phạm Đình T1 và bà Lê Nguyễn Lan T phải nộp 300.000đ lệ phí VHNGĐ gồm lệ phí hôn nhân gia đình được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ mà các bên đã nộp tại biên lai thu số 0000452 ngày 27/08/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T và ông T1 đã nộp xong.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 08 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Đình T1 và bà Lê Nguyễn Lan T không đồng ý đoàn tụ và thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Thiên P, sinh ngày 16/12/2007 cho bà Lê Nguyễn Lan T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Đối với vấn đề cấp dưỡng, ông Phạm Đình T1 tạm thời không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Đối với cháu Phạm Lê Đăng K đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về lệ phí VHNGĐ: Ông Phạm Đình T1 và bà Lê Nguyễn Lan T phải nộp 300.000đ lệ phí VHNGĐ gồm lệ phí hôn nhân gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ mà các bên đã nộp tại biên lai thu số 0000452 ngày 27/08/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T và ông T1 đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- THA DS tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV 1 – Đồng Nai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Hồng